**MA TRẬN BÀI TRA GIỮA KÌ II MÔN SINH HỌC 11**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Số tiết** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **Tổng điểm** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian** |
| **Số CH** | **Thời gian** | **Số CH** | **Thời gian** | **Số CH** | **Thời gian** | **Số CH** | **Thời gian** | **TN** | **TL** |  |  |
| 1 | Cảm ứng ở động vật | Cảm ứng ở động vật |  | 5 | 5 | 3 | 4,5 | 1 | 5,0 |  |  | 8 | 1 | 14,5 | 3,67 |
| Tập tính ở động vật |  | 2 | 2 | 2 | 3 | 1 | 5,0 |  |  | 4 | 1 | 10 | 2,33 |
| 2 | Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật | Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật |  | 2 | 2 | 1 | 1,5 |  |  |  |  | 3 |  | 3,5 | 1,0 |
| Sinh trưởng và phát triển ở thực vật |  | 3 | 3 | 3 | 4,5 |  |  | 1 | 9,5 | 6 | 1 | 17 | 3,0 |
| **Tổng** | | |  | **12** | 12 | **9** | 13,5 | **2** | 10 | **1** | 9,5 | **21** | **3** | 45,0 | **10,0** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  |  | 100 | |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | |  | **70** | | | | **30** | | | |  | |  |  | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II SINH HỌC 11**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **Đơn vị kiến thức** | | **Mức độ nhận thức** |  | |  | |
|  | **Cảm ứng ở động vật** | | | **NB** | **TH** | **VD** | **VDC** |
|  | **Cảm ứng ở động vật** | Các hình thức cảm ứng ở các nhóm động vật. | **Nhận biết**  Trình bày được các hình thức cảm ứng ở các nhóm động vật khác nhau. (Câu 1- TN)  - Nhận biết được cấu tạo hệ thần kinh ở các nhóm động vật. (Câu 2 TN) | **2** |  |  |  |
|  |  | **Thông hiểu**  -Trình bày được các hình thức cảm ứng ở các nhóm động vật khác nhau.  -Dựa vào hình vẽ (hoặc sơ đồ), phân biệt được hệ thần kinh dạng ống với hệ thần kinh dạng lưới và dạng chuỗi hạch. |  |  |  |  |
|  | Tế bào thần kinh, synapse | **Nhận biết**  - Nêu được các giai đoạn của điện thế hoạt động.  Dựa vào hình vẽ, nêu được cấu tạo của tế bào thần kinh. (Câu 3 TN)   * Dựa vào hình vẽ, nêu được chức năng của tế bào thần kinh.   Dựa vào sơ đồ, mô tả được cấu tạo synapse.   * **Thông hiểu** * - Mô tả được quá trình truyền tin qua synapse. (Câu 13 TN) | **1** | **1** |  |  |
| Phản xạ  Các bệnh liên quan hệ thần kinh | **Nhận biết**  Nêu được khái niệm phản xạ. (Câu 4 TN)  Nêu được các dạng thụ thể.  Nêu được vai trò của các thụ thể (các thụ thể cảm giác về: cơ học, hoá học, điện, nhiệt, đau).  Nêu được vai trò các cảm giác vị giác, xúc giác và khứu giác trong cung phản xạ. (Câu 5 TN)  **Thông hiểu**  Dựa vào sơ đồ, phân tích được một cung phản xạ (các thụ thể, dẫn truyền, phân tích, đáp ứng).  (Câu 14 TN)  -Phân biệt được phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện:  + Nêu được đặc điểm và phân loại được phản xạ không điều kiện. Lấy được các ví dụ minh hoạ.  (Câu 15 TN)  + Trình bày được đặc điểm, các điều kiện và cơ chế hình thành phản xạ có điều kiện. Lấy được các ví dụ minh hoạ.  **Vận dụng**  Nêu được một số bệnh do tổn thương hệ thần kinh như mất khả năng vận động, mất khả năng cảm giác...  Phân tích được cơ chế thu nhận và phản ứng kích thích của các cơ quan cảm giác (tai, mắt).  (Câu 1 TL)  Phân tích được đáp ứng của cơ xương trong cung phản xạ.  **Vận dụng cao**   * Vận dụng hiểu biết về hệ thần kinh để giải thích được cơ chế giảm đau khi uống và tiêm thuốc giảm đau.   Đề xuất được các biện pháp bảo vệ hệ thần kinh: không lạm dụng chất kích thích; phòng chống nghiện và cai nghiện các chất kích thích. | **2** | **2** | **1** |  |
|  | **Tập tính ở động vật** | Khái niệm, phân loại tập tính  Một số dạng tập tính phổ biến ở động vật  Pheromone  Một số hình thức học tập ở động vật | **Nhận biết**   * Nêu được khái niệm tập tính ở động vật. * Nhận biết được đặc điểm của tập tính bẩm sinh, học được ở động vât. (Câu 6 TN) * Nhận biết được một số hình thức học tập ở động vật. (Câu 7 TN)   **Thông hiểu**   * Lấy được một số ví dụ minh hoạ các dạng tập tính ở động vật. (Câu 16 TN)   Xác định các dạng tập tính phổ biến ở động vật.(Câu 17 TN)   * Phân biệt được tập tính bẩm sinh và tập tính học được. * Lấy được ví dụ minh hoạ về một số hình thức học tập ở động vật. * Thông qua quan sát, mô tả được tập tính của một số động vật. * **Vận dụng:** * Lấy được ví dụ chứng minh pheromone là chất được sử dụng như những tín hiệu hoá học của các cá thể cùng loài.   Giải thích được cơ chế học tập ở người.   * Quan sát và mô tả được tập tính của một số động vật. * Xác định về một số hình thức học tập ở động vật thông qua ví dụ. (Câu 2 TL) * Ứng dụng hiểu biết về tập tính vào chăn nuôi, bảo vệ mùa màng; ứng dụng pheromone trong thực tiễn. | **2** | **2** | **1** |  |
| 3 | ***Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật*** | | |  |  |  |  |
|  | Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật | Khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật  Mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển | **Nhận biết**  Nêu được khái niệm sinh trưởng ở sinh vật.  (Câu 8 TN)  Nêu được khái niệm phát triển ở sinh vật. | **1** |  |  |  |
|  | Vòng đời và tuổi thọ của sinh vật | * **Nhận biết** * Nhận biết được vòng đời của các loài sinh sản hữu tính(Câu 9 TN) * Nêu được khái niệm vòng đời của sinh vật.   **Thông hiểu**  Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tuổi thọ của con người. (Câu 18 TN)   * Lấy được ví dụ minh hoạ về tuổi thọ sinh vật. | **1** | **1** |  |  |
|  | **Sinh trưởng và phát triển ở thực vật** | Đặc điểm  Mô phân sinh  Sinh trưởng sơ cấp, sinh trưởng thứ cấp  Hormone thực vật  Phát triển ở thực vật có hoa | **Nhận biết**   * Nêu được đặc điểm sinh trưởng ở thực vật. * Nêu được đặc điểm phát triển ở thực vật. * Nêu được khái niệm mô phân sinh. (Câu 10 TN) * Nêu được khái niệm hormone thực vật. * Trình bày được vai trò của mô phân sinh đối với sinh trưởng ở thực vật. (Câu 11 TN) * Nêu được vai trò hormone thực vật. (Câu 12 TN)   **Thông hiểu**  - Trình bày được các dấu hiệu đặc trưng của sinh trưởng ở sinh vật: tăng khối lượng và kích thước tế bào; tăng số lượng tế bào.   * Trình bày được các dấu hiệu đặc trưng của phát triển ở sinh vật: (Câu 19 TN)   + Phân hoá tế bào và phát sinh hình thái;  + Chức năng sinh lí;  + Điều hoà.   * Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tuổi thọ của con người. * Lấy được ví dụ minh hoạ về tuổi thọ sinh vật. * Phân biệt được các loại mô phân sinh. * Trình bày được quá trình sinh trưởng sơ cấp ở thực vật. (Câu 20 TN) * Trình bày được quá trình sinh trưởng thứ cấp ở thực vật. * Phân biệt được các loại hormone kích thíchtăng trưởng và hormone ức chế tăng trưởng. * Trình bày được sự tương quan các hormone thực vật. * Dựa vào sơ đồ vòng đời, trình bày được quá trình phát triển ở thực vật có hoa. * Trình bày được các nhân tố chi phối quá trình phát triển ở thực vật có hoa. (Câu 21 TN) * **Vận dụng**   Nêu được ví dụ minh hoạ về sự tương quan các hormone thực vật.   * Lấy được ví dụ minh hoạ về các nhân tố chi phối quá trình phát triển ở thực vật có hoa. * Phân tích được một số yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở thực vật.   **Vận dụng cao**  Vận dụng được hiểu biết về sinh trưởng và phát triển ở thực vật để giải thích một số ứng dụng trong thực tiễn (ví dụ: kích thích hay hạn chế sinh trưởng, giải thích vòng gỗ,...). (Câu 3 TL) | **3** | **3** |  | **1** |